

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 126/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/11/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Võ Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Văn Minh;

2/ Bà Cao Thị Kim Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S – Sinh năm 1972 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Ngọc K – Sinh năm 1972 (vắng mặt không có lý do).
Cùng địa chỉ: Thôn LThuận, xã HLiên, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/10/2024, bản khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S khai:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Ngọc K tổ chức lễ cưới vào năm 1992 và không có đăng ký kết hôn. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện sau thời gian tìm hiểu trong thời gian 03 năm. Sau khi cưới vợ chồng ở xã Hàm Liêm. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống. Vợ

chồng bà không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Lê Ngọc K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Cẩm T – Sinh ngày 19/5/1993 và Lê Thị Kiều O – Sinh ngày 19/02/2001. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, do ông Lê Ngọc K vắng mặt nên bà yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Ngọc K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Liêm Thuận, xã Hồng Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa, đã có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt đề **ngày 22/10/2024**. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn ông Lê Ngọc K đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị S và ông Lê Ngọc K tổ chức lễ cưới vào năm 1992 và không có đăng ký kết hôn, đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn theo Đơn đề nghị xác nhận (V/v chưa đăng ký kết hôn) ngày 23/9/2024 của bà Nguyễn Thị S, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hồng Liêm, huyện Hàm

Thuận Bắc và Công văn số 296/UBND ngày 30/9/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Bà Nguyễn Thị S cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng 2002 thì phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống. Vợ chồng bà không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Do bà Nguyễn Thị S và ông Lê Ngọc K không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo luật định. Theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 3 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ tư pháp quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị S và ông Lê Ngọc K.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị S và ông Lê Ngọc K có 02 con chung tên Lê Thị Cẩm T – Sinh ngày 19/5/1993 và Lê Thị Kiều O – Sinh ngày 19/02/2001. Hiện nay các con đã trưởng thành bà Nguyễn Thị S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Ông Lê Ngọc K không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 3 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ tư pháp.

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị S và ông Lê Ngọc K.

2. *Về án phí:*

Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị S đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0013728 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không nộp nữa.

Ông Lê Ngọc K không chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- **UBND nơi đăng ký kết hôn;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Võ Văn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Võ Văn